

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

# THÁI THƯỢNG CẢM ỨNG THIÊN

Cần dịch: Ban biên dịch Tịnh Không Pháp Ngữ

Giám dịch: Vọng Tây Cư Sĩ

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

# THÁI THƯỢNG CẢM ỨNG THIÊN

Thái Thượng Cảm Ứng Thiên là một quyển sách khuyến thiện tốt nhất trong kho tàng kinh điển của Đạo gia, được Ngài Đại Sư Ấn Quang hết sức tán thán. Đại Sư Ấn Quang một đời cung kính ấn tống Thái Thượng Cảm Ứng Thiên, ước khoảng có hơn ba triệu bản. Hơn nữa, Lão Cư sĩ Lý Bình Nam, Lão Pháp sư Tịnh Không cũng đều khích lệ người đời "khuyến đọc, khuyến hành, khuyến in, khuyến giảng".

Quyển sách này cùng với Đệ Tử Quy, Thập Thiện Nghiệp Đạo Kinh là ba căn bản của Nho - Thích - Đạo, bất luận là ai cũng phải từ ba căn bản này mà học tập vun bồi cội rễ, như thế mới có thể đạt được thành tựu chân thật trong một đời.

## ĐẠI SƯ ẤN QUANG KHUYÊN THỌ TRÌ THÁI THƯỢNG CẢM ỨNG THIÊN TRỰC GIẢNG

(印光法師太上感應篇直講序)

Tính người vốn thiện, nhưng do đối cảnh gặp duyên, không gắng lòng kiểm soát, dần dần khởi niệm chấp trước, sinh tâm yêu ghét, khởi các loại tình kiến, bản tính bị mai một đều vì những thứ như thế cả. Thế nên, thánh nhân thời xưa rủ lòng thương ban lời dạy dỗ, kỳ vọng người đời theo đó mà làm, nhằm hồi phục cái tâm vốn thiện. Lời dạy tuy có nhiều, nhưng đều không ngoài việc “*cách vật trí tri, minh minh đức, chỉ u chí thiện*”.

Thế nào gọi là “cách vật”? “Cách” nghĩa là đánh một trận kịch liệt, ví như một người đương đầu với vạn người vậy. “Vật” là chỉ những phiền não vọng tưởng, theo thế tục gọi là dục vọng của con người. Người muốn chiến đấu với phiền não vọng tưởng tất phải có ý chí cương quyết, không sợ hãi, thì mới mong có hiệu quả thực sự. Còn như để tâm xoay chuyển theo vật dục, thì sao có thể gọi là “cách vật” được? Cái gọi là “trí” có nghĩa là mở rộng [tâm lượng] ra đến cùng cực. Còn “tri” chính là cái lương tri biết yêu thương cha mẹ, kính trọng bậc trưởng bối mà con người vốn sẵn có, chứ không phải do dạy, không phải do học mà có. Thông thường con người trong một ngày không thường xuyên kiểm soát phản tỉnh bản thân, để tâm xoay chuyển theo vật dục, đến nỗi đánh mất đi

cái lương tri biết yêu thương cha mẹ và kính trọng bậc trưởng bối. Há còn mong mở rộng cái lương tri ấy đến khắp thủy vạn sự vạn vật, hàm dưỡng tự tâm của chính mình ư! Con đường mà Thánh nhân muốn người đời đi để đạt được cái đức sáng, đạt đến chỗ chí thiện, công phu căn bản nhất là phải bắt đầu từ “cách vật trí tri” mà làm. Không có gì diệu dụng hơn công phu này. Nhưng nếu muốn người thường theo đây mà tu trì, thì buộc phải có quy phạm chuẩn mực, mới hòng đạt được lợi ích. Tứ Thư, Ngũ Kinh chính là quy phạm chuẩn mực. Thế nhưng lời dạy trong những sách ấy mênh mông, tản mác, không có điểm hội tụ, khó mà có thể lĩnh hội được pháp. Những người không đọc sách nhiều sẽ càng vì lý do này mà không làm theo Kinh điển.

Sách Thái Thượng Cảm Ứng Thiên hàm nhiếp đầy đủ những lý luận về việc đón kiết, tránh hung, phước thiện, cho đến những đạo lý về mối họa dâm, lời kinh vang vọng đến thượng thiên, chấn động đại địa, hễ đọc đến tâm liền xúc động. Cái gì gọi là thiện? Cái gì gọi là ác? Người làm việc thiện sẽ được thiện báo thế nào? Kẻ làm điều ác sẽ bị ác báo ra sao? Hiểu rõ được căn nguyên rồi, nhìn người sẽ vô cùng thấu suốt. Còn có kẻ ngu không chịu làm thiện, mặc tình làm điều xấu ác, lại dùng cái tâm tự tư tự lợi xem đó là điều hiển nhiên. Ngược lại, nay ta đã biết, những kẻ tự tư tự lợi sẽ bị tổn hại lợi ích rất lớn, rước lấy đại tai ương, há còn dám không khuyến khích nhau làm điều lương thiện để mong thoát họa, gặp phước hay sao? Vì lẽ đó, đây là cuốn sách rất ích lợi cho người đời. Các vị đại Nho thời xưa đa phần đều dựa vào cuốn sách này mà tu hành.

Vào thời nhà Thanh, ở đất Trường Châu, có ông Trạng nguyên Bành Ngung Chỉ, từ nhỏ đã phụng hành theo sách này, cho đến khi ông làm quan đến chức Thượng Thư rồi mà mỗi ngày cũng đều thọ trì đọc tụng. Ông còn biên ra để tặng cho người khác, lấy tên là “Bộ sách mà Tể Tướng và Trạng Nguyên đều phải đọc”. Ông còn chú thích rằng: “*Chẳng có nghĩa là đọc sách này có thể làm Trạng Nguyên, Tể Tướng, nhưng làm Trạng Nguyên, Tể Tướng nhất quyết không thể không đọc sách này*”. Tùy theo cách nhìn của người nhân, kẻ trí, thuận theo căn tính của mỗi người mà phát huy giá trị của sách đến mức thấu triệt. Luận theo lẽ cùng cực của sách, thì sẽ được thành Tiên. Nhưng nếu như dùng tâm đại Bồ-đề mà hành trì thì cũng có thể siêu phàm nhập Thánh, liễu thoát sinh tử, đoạn Tam Hoặc, chứng Pháp Thân, phước huệ viên mãn cho đến thành Phật đạo, hưởng hồ là quả nhỏ thành thân tiên.

Sách này được chú giải rất nhiều, nhưng chỉ có bản Tiên Chú của Nguyên Hòa Huệ Đồng đời Thanh được xem là vô cùng tinh thâm, không phải là bậc

hiền sĩ học cao hiểu rộng thì không thể đọc được. Ngoài ra còn có cuốn Vụng Biên, quả thật đây là cuốn sách dành cho người nho nhã lẫn kẻ bình dân, nhưng đối với phụ nữ và trẻ em thì vẫn từ e khó có thể lĩnh hội. Duy có sách Trục Giảng này có thể đem lại lợi ích cho hết thảy. Lời văn của sách Trục Giảng này tuy đơn sơ, nhưng cách dùng từ ưu mỹ, đơn sơ nhưng không thô kệch, dễ cảm động lòng người. Cư sĩ Hương Đào đã xuất tiền in ấn, quảng bá, cùng với sự trợ giúp của một vài vị cùng chung chí hướng, nguyện cuốn sách này được phổ biến ra khắp cõi hoàn vũ. Nếu có được vài người tu Thập Thiện, trong nhà vẹn tròn câu hiếu đễ, biết việc họa phúc là do con người tự rước lấy, việc thiện ác đều có báo ứng cả, thì có ai chịu làm ác để rước lấy họa đâu? Nếu nếp sống xã hội đều theo một quy tắc là làm thiện để được thiện báo, thì lẽ nhượng sẽ hưng khởi, nhân dân an lạc, thiên hạ thái bình, vĩnh viễn sẽ không còn nạn can qua (chiến tranh). Nguyện những người có tài lực và trí lực, hoặc in ấn số lượng nhiều để lưu thông, hoặc thuyết pháp diễn giảng, khiến cho những người vẫn chưa mất đi lương tri càng cố gắng giữ lấy cái tâm thuần chân; còn đối với kẻ đã mất đi lương tri rồi sẽ mau chóng khôi phục lại cái tâm sẵn có ấy. Công đức ấy kể sao cho xiết!

Năm Mậu Thìn 1928.

## KHAI KINH

<b>Thái Thượng dạy rằng</b>	太上寶訓
<b>Thiên Cảm Ứng này</b>	感應之篇
<b>Ngày tụng một biến</b>	日誦一遍
<b>Diệt tội tiêu khiên</b>	滅罪消愆
<b>Trì tụng một tháng</b>	受持一月
<b>Phúc lộc tràn đầy</b>	福祿彌堅
<b>Hành trì một năm</b>	行之一年
<b>Thọ mạng dài lâu</b>	壽命綿延
<b>Tin làm bảy năm</b>	信奉七年
<b>Thất tổ siêu thăng</b>	七祖昇天

**Hành trì không mỏi  
Để thành thánh đạo.**

久行不倦  
可成聖道

Dịch nghĩa:

Thiên Cảm Ứng này là lời dạy quý báu của Thái Thượng Lão Quân. Mỗi ngày đọc tụng một lần thì dứt tuyệt mọi tội lỗi. Thọ trì (hay trì tụng) một tháng thì phúc lộc càng bền. Tụng một năm thì thất tổ siêu thăng cõi trời. Trì tụng không bê trễ thì lâu dài có thể thành tựu Thánh đạo.

## CHƯƠNG 1: MINH NGHĨA

太上曰：禍福無門惟人自召。善惡之報如影隨形

**Thái Thượng viết: Họa phúc vô môn, duy nhân tự triệu. Thiện ác chi báo, như ảnh tùy hình.**

Thái Thượng Ngài đã dạy  
Họa phúc vốn không cửa  
Lòng người chiêu cảm thôi.  
Quả báo thiện hay ác  
Như bóng theo sát hình  
Hình ngay thì bóng thẳng.

## CHƯƠNG 2: GIÁM SÁT

是以，天地有司過之神，依人所輕重以奪人算。

**Thị dĩ, thiên địa hữu Tư Quá chi Thần, y nhân sở khinh trọng, dĩ đoạt nhân toán.**

Trời đất có vị thần  
Giám sát về tội lỗi  
Tùy tội nặng hay nhẹ  
Định thọ mạng ngắn dài.

算減則貧耗，多逢憂患，人皆惡之，刑禍隨之，吉慶避之，惡星災之，算盡則死。

**Toán giảm tắc bản hao, đa phùng ưu hoạn, nhân giai ô chi, hình họa tùy chi, cát khánh tị chi, ác tinh tai chi, toán tận tắc tử.**

Thọ mạng bị tổn giảm  
Ắt gặp cảnh nghèo cùng  
Chiêu cảm nhiều hoạn nạn  
Sống không thể ung dung.  
Người người đều oán ghét  
Khó tránh khỏi hình tai  
Điều lành liền xa lánh  
Sao xấu mang họa đến  
Mạng hết chết cận kề.

又有三台北斗神君，在人頭上，錄人罪惡，奪其紀算。

**Hựu hữ Tam Thai Bắc Đẩu Thần Quân, tại nhân đầu thượng, lục nhân tội ác, đoạt kỳ kỷ toán.**

Lại có thần Tam Thai  
Giám sát về tuổi thọ  
Cùng Bắc Đẩu thần quân  
Chiếu xét tội lỗi người.  
Ngự trên đầu thế nhân  
Ghi chép hết thảy tội  
Mạng theo đó mà giảm  
Một kỷ mười hai năm  
Một toán cả trăm ngày.

又有三尸神在人身中，每到庚申日，輒上詣天曹，言人罪過。

**Hựu hữ Tam Thi Thần tại nhân thân trung, mỗi đáo Canh Thân**

**nhật, triếp thưởng nghệ Thiên Tào, ngôn nhân tội quá.**

Tam Thi thần trong thân  
Ngày Canh Thân báo cáo  
Tâu Ngọc Hoàng Thượng Đế  
Tội lỗi của người đời.

月晦之日，灶神亦然。

**Nguyệt hối chi nhật, Táo Thần diệp nhiên.**

Đến cuối mỗi tháng qua  
Táo Quân ngài cũng vậy  
Tấu trình tại Thiên Tào  
Bẩm báo việc trần gian.

凡人有過，大則奪紀，小則奪算。

**Phàm nhân hữu quá, đại tắc đoạt kỷ, tiểu tắc đoạt toán.**

Phàm những ai có tội  
Nặng trừ mười hai năm  
Nhẹ giảm một trăm ngày  
Gieo nhân nào quả nấy.

其過大小有數百事。欲求長生者，先須避之。

**Kỳ quá đại tiểu, hữu số bách sự. Dục cầu trường sinh giả, tiên tu ty chi.**

Hết thầy các tội lỗi  
Lớn nhỏ hàng mấy trăm  
Vì thế muốn sống lâu  
Phải tránh xa tội lỗi.

### **CHƯƠNG 3: TÍCH THIỆN**

是道則進，非道則退。不履邪徑。不欺暗室。

**Thị đạo tắc tiến, phi đạo tắc thoái. Bất lý tà kính. Bất khi ám thất.**

Phàm sự việc ở đời

Hợp với lẽ thì tiến

Trái đạo phải tránh xa.

Đường tà không thể bước.

Dù phòng kín không người

Tà niệm quyết chẳng khởi.

積德累功. 慈心於物. 忠孝友悌. 正己化人.

**Tích đức lũy công. Từ tâm ư vật. Trung, hiếu, hũu, để. Chính kỷ hóa nhân.**

Phải tích công bồi đức

Thương yêu cả muôn loài

Trung thành với tổ quốc

Hiếu thảo với mẹ cha

Anh thương và em kính

Thầy bắt đầu nơi ta

Mình phải làm được trước

Mới mong cảm hóa người.

矜孤恤寡. 敬老懷幼. 昆蟲草木, 猶不可傷.

**Cãng cô tuất quả. Kính lão hoài ấu. Côn trùng thảo mộc, do bất khả thương.**

Cô nhi và quả phụ

Nên cứu giúp xót thương.

Trên kính bậc lão thành

Dưới bảo ban trẻ nhỏ.

Thấy côn trùng cây cỏ

Không tổn hại sát thương.



宜憫人之凶。樂人之善。濟人之急。救人之危。

**Nghi mẫn nhân chi hung. Lạc nhân chi thiện. Tế nhân chi cấp. Cứu nhân chi nguy.**

Thấy người làm điều ác  
Tâm khởi niệm xót thương  
Thấy người làm việc lành  
Mình sinh tâm hoan hỷ.  
Cứu người khi cấp bách  
Giúp người lúc khó khăn.

見人之得如己之得。見人之失如己之失。

**Kiến nhân chi đắc như kỷ chi đắc. Kiến nhân chi thất như kỷ chi thất.**

Nhìn thấy người thành công  
Vui như mình làm được.  
Khi thấy người thất bại  
Mình cũng buồn khác chi.

不彰人短，不衒己長。

**Bất chương nhân đoản, bất huyễn kỷ trường.**

Không nên bàn khuyết điểm  
Chỗ kém cỏi của người.  
Khoe khoang tài năng mình  
Đó là việc nên tránh

遏惡揚善。推多取少。

**Át ác dương thiện. Thôi đa thủ thiểu.**

Ngăn chặn người làm ác  
Tuyên dương việc thiện lành.  
Phần hơn dành cho người  
Ít riêng mình giữ lấy.

受辱不怨。受寵若驚。施恩不求報。與人不追悔。

**Thụ nhục bất oán. Thụ sủng nhược kinh. Thi ân bất cầu báo. Dĩ nhân bất truy hối.**

Chịu nhục vẫn không oán

Được người trọng thì lo.

Thi ân không cầu báo

Cho người chớ hối tiếc.

#### CHƯƠNG 4: THIỆN BÁO

所為善人，人皆敬之，天道佑之，福緣隨之，眾邪遠之，神靈衛之，所作必成，神仙可冀。

**Sở vị thiện nhân, nhân giai kính chi, thiên đạo hựu chi, phúc lộc tùy chi, chúng tà viễn chi, thần linh vệ chi, sở tác tất thành, thần tiên khả ký.**

Người tích đức hành thiện

Mọi người đều kính nể

Trời phù hộ cho họ

Phúc lộc thấy đừng lo

Không cầu mà tự đến.

Tà thần và ác quỷ

Tất sẽ tự tránh xa

Thần linh luôn bảo hộ

Vạn sự ắt vẹn toàn

Cho đến thành Thần Tiên

Mình có thể làm được.

欲求天仙者，當立一千三百善。欲求地仙者，當立三百善。

**Dục cầu thiên tiên giả, đương lập nhất thiên tam bách thiện.**

**Dục cầu địa tiên giả, đương lập tam bách thiện.**

Nếu muốn làm thiên tiên

Nghìn ba trăm điều thiện.

Nếu muốn làm địa tiên

Cần ba trăm việc lành.

## CHƯƠNG 5

### CHU' ÁC (PHẢN THU'ƠNG)

苟或非義而動，背理而形，以惡為能，忍作殘害，陰賊良善

**Cầu hoặc phi nghĩa nhi động, bôỉ lý nhi hành, dĩ ác vi năng, nhĩn tác tàn hại, âm tặc lương thiện.**

Ác là việc phi nghĩa

Trái đạo, trái lương tâm

Dùng thủ đoạn độc ác

Cho đó là tài năng.

Nhĩn tâm và tàn bạo

Muru toan hại người hiền.

暗辱君亲，慢其先生，叛其所事，誑諸無識，謗諸同學

**Ám vũ quân thân, mạn kỳ tiên sinh, bần kỳ sở sự, cuồng chư vô thức, báng chư đồng học.**

Thảm khinh khi cha mẹ

Bất kính với thầy cô

Bất trung với chức phận

Gạt gĩm người ngậy ngô

Chê bai bạn đồng học.

虛誣詐偽攻訐宗親，剛強不仁，狠戾自用，是非不當，向背乖宜。

**Hư vu trá ngụy, công yết tông thân, cương cường bất nhân, ngận lệ tự dụng, thị phi bất đàng, hướng bôỉ quai nghi.**

Xảo trá và hư ngụy

Công kích cả họ hàng

Cang cường, vô nhân đạo  
Hiêm ác đến bạo tàn.  
Bất chấp lẽ đúng sai  
Hành xử không thích đáng.

虐下取功，諂上希旨

**Ngược hạ thủ công, siểm thượng hy chỉ.**

Ngược đãi và cướp công  
Của những kẻ dưới quyền  
Nịnh hót người bề trên  
Đón ý để trục lợi.

受恩不感，念怨不休.

**Thụ ân bất cảm, niệm oán bất hưu.**

Thọ ân không biết cảm  
Gặp oán mãi ôm lòng.

輕蔑天民，擾亂國政.

**Khinh miệt thiên dân, nhiễu loạn quốc chính.**

Không vì nước vì dân  
Mà sinh tâm khinh miệt  
Dựng chuyện làm nhiễu loạn  
Nền chính trị nước nhà.

賞及非義，刑及無辜，殺人取財，傾人取位，誅降戮服.

**Thưởng cấp phi nghĩa, hình cấp vô cô, sát nhân thủ tài, khuynh nhân thủ vị, tru hàng lục phục.**

Khen thưởng kẻ phi nghĩa  
Trừng phạt người vô can  
Giết người hòng đoạt của

Sát hại kẻ đầu hàng  
Muru hại người mất chức  
Chiếm đoạt địa vị người.

貶正排賢，陵孤逼寡，棄法受賂，以直為曲，以曲為直，入輕為重  
**Biếm chính bài hiền, lăng cô bức quả, khí pháp thọ lộ, dĩ trực vi khúc,  
dĩ khúc vi trực, nhập khinh vi trọng.**

Hãm hại người chính trực  
Bài xích người hiền lương  
Lãng nhục kẻ cô nhi  
Bức hại người góa bụa  
Bất chấp các luật lệ  
Nhận hối lộ của người  
Điều thẳng cho là cong  
Cong thì cho là thẳng  
Lỗi nhẹ thì xét nặng  
Khiến người chịu hàm oan.

見殺加怒，知過不改，知善不為，自罪引他  
**Kiến sát gia nộ, tri quá bất cải, tri thiện bất vi, tự tội dẫn tha.**

Thấy kẻ sắp thụ hình  
Không xót còn sân nộ  
Biết lỗi vẫn không sửa  
Thấy điều thiện chẳng làm  
Mình đã mắc tội rồi  
Còn liên lụy người khác.

壅塞方術

**Ung tắc phương thuật.**

Tài năng và pháp hay

Đem lợi ích cho đời  
Nếu mình đã học rồi  
Nên mau đi truyền bá  
Cản trở người truyền bá  
Tâm lượng ấy hẹp hòi.

訕謗聖賢，侵陵道德

**Sán báng thánh hiền, xâm lăng đạo đức.**

Phi báng bậc Thánh Hiền

Hãm hại người đạo đức.

射飛逐走，發蟄驚棲，填穴覆巢，傷胎破卵

**Xạ phi trục tẩu, phát trập kinh thê, điền huyết phúc sào,  
thương thai phá noãn.**

Dùng tên nhọn săn đuổi

Chim, thú thảy kinh hoàng.

Phá nát cả tổ hang

Côn trùng trong gò đất.

Rung cây chim hoảng sợ

Không còn chỗ tựa nương.

Nhấn tâm lấp ổ hang

Tổ chim bị lật úp

Phá thai và hại trứng

Còn tội ác nào hơn.

願人有失，毀人成功

**Nguyện nhân hữu thất, hủy nhân thành công.**

Mong nhìn thấy khuyết điểm

Và thất bại của người

Nhìn thấy việc sắp thành  
Tìm mọi cách hủy hoại.

危人自安，滅人自益

**Nguy nhân tự an, giảm nhân tự ích.**

Hại người khác lâm nguy  
Để cho mình an ổn  
Khiến người khác hao tổn  
Hòng trục lợi cho mình.

以惡易好

**Dĩ ác dịch hảo**

Mua bán trao đổi hàng  
Dem xấu tráo cái tốt.

以私廢公

**Dĩ tư phế công.**

Vì ân oán riêng tư  
Phê bỏ điều công đạo.

竊人之能，蔽人之善

**Thiết nhân chi năng, tế nhân chi thiện.**

Tài năng của người khác  
Trộm lấy làm của mình  
Còn thiện hạnh của người  
Tìm mọi cách đim lấp.

形人之醜，訐人之私

**Hình nhân chi xú, kiết nhân chi tư.**

Thấy người có điều xấu

Phô bày và rêu rao  
Việc riêng tư của người  
Bói móc rồi truyền rao.

耗人貨財

**Hao nhân hóa tài**

Tài vật của người khác  
Làm phung phí tiêu hao.

離人骨肉

**Ly nhân cốt nhục.**

Phá hoại tình cốt nhục  
Làm người thân chia ly  
Tương tàn hay bất hòa  
Đó là điều cực ác.

侵人所愛

**Xâm nhân sở ái.**

Đồ vật người yêu quý  
Nghĩ mọi cách đoạt xâm  
Chiếm làm của riêng mình  
Nào khác gì cường đạo.

助人為非，逞志作威，辱人求勝

**Trợ nhân vi phi, sinh chí tác oai, nhục nhân cầu thắng.**

Thấy kẻ làm bất chính  
Còn giúp sức một tay.  
Gặp được thời vận may  
Mặc tình làm mưa gió  
Hủy nhục người để mong  
Phản thắng cho riêng mình.



敗人苗稼

**Bại nhân miêu giá.**

Người nông phu cực khổ  
Cây lúa mới trở bông  
Không biết tiếc công trồng  
Còn sinh tâm phá hoại.

破人婚姻

**Phá nhân hôn nhân.**

Hôn nhân, duyên đã định  
Vì tham sắc, tư thù  
Chiếm đoạt hoặc chia ly  
Trời không dung việc ấy.

苟富而驕

**Cẩu phú nhi kiêu.**

Kẻ tiểu nhân mới phát  
Vội nghênh mặt với người  
Việc làm thiếu lễ này  
Là điềm làm tổn phước.

苟免無恥

**Cẩu miễn vô sỉ.**

Kẻ mắc lỗi phạm tội  
May mắn được thoát thân  
Không một chút ăn năn  
Vẫn chứng nào tạt nấy.

認恩推過，嫁禍賣惡

**Nhận ân thôi quá, giá họa mại ác.**

Ân đức người bố thí  
Mạo nhận làm của mình  
Mình làm chuyện bất lương  
Thì gán cho người khác.

沽買虛譽

**Cô mãi hư dự.**

Năng lực vốn không có  
Dùng tiền bạc để mua  
Vô sỉ cầu hư danh  
Còn mong người tán thưởng.

包貯險心

**Bao trữ hiểm tâm.**

Lòng người vốn nham hiểm  
Mặt tỏ vẻ thiện lương  
Nụ cười nở trên môi  
Dao sắc giấu trong lòng.

挫人所長，護己所短

**Tỏa nhân sở trường, hộ kỷ sở đoản.**

Đối với người tài năng  
Mình chủ tâm mai một  
Cái dở của bản thân  
Trăm phương nghìn cách giấu.

乘威迫脅，縱暴殺傷

**Thừa oai bách hiếp, túng bạo sát thương.**

Lợi dụng thế lực lớn

Ức hiếp đày đọa người  
Dung túng kẻ ác nhân  
Tồn hại người vô tội.

無故剪裁

**Vô cớ tiễn tài.**

Áo quần dùng che thân  
Công người may vất vả  
Mặc rách thì nên vá  
Chớ lãng phí xa hoa.

非禮烹宰

**Phi lễ phanh tể.**

Loài vật có sinh mạng  
Cũng trân quý như mình  
Trời có đức hiếu sinh  
Ta mặc tình nung nấu.

散棄五穀

**Tán khí ngũ cốc.**

Thời xưa đáng thiên tử  
Còn tự mình canh nông  
Nay ngũ cốc gieo trồng  
Ta nữ nào lãng phí.

勞擾眾生

**Lao nhiễu chúng sinh.**

Những công trình kiến trúc  
Đừng lao dịch nhân dân  
Xây cung điện nguy nga

Riêng mình vui hưởng lấy.

破人家取其財寶

**Phá nhân chi gia, thủ kỳ tài bảo.**

Giàu nghèo vốn sẵn mệnh  
Của phi nghĩa giàu đâu  
Tham tài mưu hại người  
Di họa đến đời sau.

洪水放火以害民居

**Quyết thủy phóng hỏa, dĩ hại dân cư.**

Thủy tai cùng hỏa tai  
Người dân ai cũng sợ  
Hiều được điều này rồi  
Không phóng hỏa đốt nhà.  
Đê điều xin chớ phá.

紊亂規模以敗人功

**Vạn loạn qui mô dĩ bại nhân công.**

Sự nghiệp người gây dựng  
Vốn đã sẵn quy mô  
Gây rối loạn nhiều nhưong  
Mong công người sụp đổ.

損人器物以窮人用

**Tổn nhân khí vật dĩ cùng nhân dụng.**

Phá hỏng các công cụ  
Khiến người không thể dùng  
Tâm địa nhỏ nhen ấy  
Trời đất ắt khó dung.

見他榮貴願他流貶，見他富有願他破散

**Kiến tha vinh quý nguyện tha lưu biếm, kiến tha phú hữu nguyện tha phá tán.**

Nhìn thấy người vinh hiển  
Mong cho bị lưu đày  
Nhìn thấy người giàu sang  
Cầu mong cho tàn mạt  
Nào đâu hay phước báo  
Do tu tích khi xưa  
Không làm thiện đời này  
Đời sau làm sao hưởng?

見他色美起心私之

**Kiến tha sắc mỹ khởi tâm tư chi.**

Nhìn thấy người nhan sắc  
Tâm ắt khởi lòng tà  
Cổ nhân đã dạy ta  
Vạn ác dâm số một  
Thế nên phải cẩn trọng.  
Ngay ở chỗ không người  
Khởi một niệm tà thôi  
Quy thần đều biết rõ.  
Phòng sắc như phòng cọp  
Ấy đáng bậc trượng phu.

負他貨財願他身死

**Phụ tha hóa tài nguyện tha thân tử.**

Lúc mình gặp khó khăn  
Mượn tài vật của người

Đến lúc khảm khá rồi  
Khởi tâm tham không trả.  
Bởi không tin nhân quả  
Mong người chóng chết đi  
Nào biết có luân hồi  
Làm trâu bò trả nợ.

干求不遂便生咒恨

**Can cầu bất toại tiện sinh chú hận.**

Bạc chí nhân quân tử  
Tâm ít muốn không cầu  
Vui với thú thanh tao  
Không oán nên thường lạc.  
Kẻ tiểu nhân bạc ác  
Tâm đa dục đa cầu  
Nếu không thỏa tham cầu  
Trở mặt sinh lòng oán.

見他失便便說他過

**Kiến tha thất tiện tiện thuyết tha quá.**

Thế gian ai hoàn mỹ  
Không mắc lỗi phạm sai  
Thấy chỗ người kém khuyết  
Chớ chỉ trích vội vàng  
Trước hãy nên phản tỉnh  
Mình từng phạm lỗi chưa  
Dùng lòng tha thứ mình  
Mà khoan dung người khác.

見他體相不具而笑之

**Kiến tha thể tướng bất cụ nhi tiểu chi.**

Xem thấy người lùn xấu  
Tướng mạo chẳng vẹn toàn  
Khiếm khuyết hết ngũ quan  
Phải sinh tâm thương xót.  
Bằng chế giễu nhạo báng  
Cười cũng chẳng được lâu  
Đời này và đời sau  
Gieo nhân gì quả đó.

見他才能可稱而抑之

**Kiến tha tài năng khả xưng nhi ức chi.**

Thấy người có tài năng  
Không sinh tâm hoan hỷ  
Ngược lại còn đố kỵ  
Mưu kế đè ép người  
Tài năng ấy chôn vùi  
Không được ra thi thố.

**CHƯƠNG 6  
CHƯ ÁC (PHẦN HẠ)**

埋蟲厭人

**Mai cổ yếm nhân**

Dùng bùa ngải tà thuật  
Yếm chú hãm hại người  
Tội nghiệt ấy tà trời  
Đời sau đọa địa ngục.

用藥殺樹

**Dụng dược sát thụ.**

Thực vật như động vật  
Đều cũng có tánh linh  
Ta phải biết yêu thương  
Không mặc tình dẫm đạp.  
Trăm năm cây cổ thụ  
Hấp tinh hoa đất trời  
Phun thuốc diệt cây rồi  
Tâm từ bị tổn mất.

恚怒師傅

**Khuê nô sư phó.**

Với lời thầy răn dạy  
Không cung kính tiếp thu  
Mà giận quá hóa thù  
Đây là phường bất hiếu<sup>1</sup>.

抵觸父兄

**Đề xúc phụ huynh.**

Bất hiếu với cha mẹ  
Xung đột với người trên  
Ngỗ nghịch chẳng nể tình  
Người trời đều trừng phạt.

強取強求.

**Cưỡng thủ cưỡng cầu.**

Tâm ý mạnh hiếp yếu  
Cưỡng đoạt tài vật người.  
Bất chấp lý và tình

---

<sup>1</sup> Bất hiếu: hư hỏng, đáng chê trách.



Chính là phường cướp bóc.

好侵好奪, 擄掠致富

**Háo xâm háo đoạt, lỗ lược trí phú.**

Kẻ tham danh háo lợi

Chỉ muốn đoạt của người

Để có được giàu sang

Cướp người hòng đoạt của.

巧詐求遷, 賞罰不平

**Xảo trá cầu thiên, thưởng phạt bất bình.**

Dùng thủ đoạn xảo trá

Mong thăng tiến chức quan

Khi được tước vọng rồi

Thưởng phạt không công chính.

逸樂過節

**Dật lạc quá tiết.**

Phóng dật và hưởng lạc

Quá độ sẽ sinh bi

Lộc tận thì nhân vong

Phước chớ nên hưởng hết.

荷虐其下

**Hà ngược kỳ hạ.**

Đối người hầu, cấp dưới

Chớ ngược đãi bạo hành

Lời ân cần khuyên dạy

Họ không dễ phản mình.

恐嚇於他

**Khủng hách ư tha.**

Người gặp lúc sợ lo

Ta an ủi vỗ về

Chớ thừa cơ khủng bố

Nhân đức thầy còn đâu!

怨天尤人

**Oán thiên vu nhân.**

Gặp việc không như ý

Chớ oán trời trách người

Phước phận mông nơi mình

Do nhân xưa đã tạo.

呵風罵雨

**Ha phong mạ vũ.**

Tiết trời xấu hoặc tốt

Mưa thuận hay gió hòa

Ắt do ở tâm ta

Chớ oán mưa giận gió.

鬥合爭訟

**Đấu hợp tranh tụng.**

Gây tạo chuyện thị phi<sup>2</sup>

Đề hai bên thưa kiện

Mình đứng giữa trục lợi

Trời cao ắt khó dung.

妄逐朋黨

---

<sup>2</sup> Chuyện thị phi: chuyện phải quấy

**Vọng trực bằng đảng.**

Muru mô lập băng đảng  
Mong nước loạn tranh quyền  
Đâu hay xã tắc biến  
Nhà mình cũng chẳng yên.

用妻妾語違父母訓

**Dụng thê thiếp ngữ vi phụ mẫu huấn.**

Nghe lời của thê thiếp  
Nnhư mật ngọt rót tai  
Lời cha mẹ dạy ta  
Lại mặc tình làm trái  
Phận làm con lổi đạo  
Sao tránh khỏi tai ương!

得新忘故

**Đắc tân vong cố.**

Bạn hữu thưở hàn vi  
Giữ vẹn tình sau trước  
Nghĩa tào khang chung thủy  
Có trăng chớ quên đèn.

口是心非

**Khẩu thị tâm phi.**

Quân tử và tiểu nhân  
Hình dung tuy chẳng khác  
Khác ở chỗ dụng tâm  
Quang minh hay ám muội.  
Người quân tử chính trực

Lời nói để lợi người  
Miệng Phật mang tâm xà  
Là tiêu nhân gian ác.

貪冒於財，欺罔其上

**Tham mạo ư tài, khi vãng kỳ thượng.**

Thân làm quan phụ mẫu  
Bóc lột những nhiều dân  
Dối gạt đến quân vương  
Lưới trời e khó thoát.

造作惡語

**Tạo tác ác ngữ.**

Miệng người dễ phạm lỗi  
Ác khẩu bịa đặt lời  
Lưỡi ác nghiệt hại người  
Không xương như dao sắc.

讒毀平人，毀人稱直，罵神稱正，

**Sàm hủy bình nhân, hủy nhân xưng trực, mạ thần xưng chính.**

Hủy báng và hại người  
Lại cho mình chính trực.  
Mạo phạm cả thần linh  
Tự nhận mình ngay thẳng.

棄順效逆，背親向疏

**Khí thuận hiệu nghịch, bối thân hướng sơ.**

Bỏ thuận đi theo nghịch  
Trái đạo lý luân thường  
Cốt nhục chẳng hề thương

Vói người thì hậu hỹ.

指天地以證鄙懷，引神明而鑒猥事。

**Chỉ thiên địa dĩ chứng bỉ hoài, dẫn thần minh nhi giám ổi sự.**

Tâm tính chuyện trái, sai

Thân làm chuyện tội tệ

Còn cầu trời và thần

Chúng giám cho việc đó.

Đã ôm lòng bất chính

Đất trời nào chúng cho.

施與後悔，假借不還

**Thí dũ hậu hối, giả tá bất hoàn.**

Bồ thí cho người rồi

Lòng lại sinh hối hận.

Mượn tài vật không trả

Đòi sau đòi sừng đền.

分外營求，力上施設

**Phận ngoại doanh cầu, lực thượng thi thiết.**

Người không biết an phận

Hướng ngoại vọng tâm cầu

Đâu hay vạ pháp kia

Thảy đều do tâm tạo.

淫欲過度

**Dâm dục quá độ.**

Kẻ dâm dục quá độ

Tinh khí thảy đều suy

Sinh con ra ngu đần

Còn tổn thương âm đức.

心毒貌慈

**Tâm độc mạo từ.**

Lòng dạ vốn nham hiểm  
Ngoài mặt giả hiền từ  
Khác nào loài hổ lang  
Độc thua gì rắn rết.

穢食餒人

**Uế thực ửy nhân.**

Thức ăn không tinh sạch  
Gây mầm bệnh cho người  
Nếu tặng hoặc bán đi  
Hại người mình tổn đức.

左道惑眾

**Tả đạo hoặc chúng.**

Dùng bàng môn tà đạo  
Yêu thuật mê hoặc người  
Luật trời ắt khó dung  
Chết đọa ba đường khổ.

短尺狹度，輕秤小升，以偽雜真，採取姦利

**Đoản xích hiệp độ, khinh xứng tiểu thăng. Dĩ nguy tạp chân, thả thủ gian lợi.**

Kẻ buôn gian bán thiếu  
Làm hàng giả gạt người  
Tạm chiếm tiện nghi thôi  
Âm Ty định sẵn tội.

壓良為賤，謾騫愚人

**Áp lương vi tiện, mạn mịch ngu nhân.**

Ép bức người lương thiện

Làm kỹ nữ thanh lâu

Dùng kế hiểm mưu sâu

Lừa người dân khờ khạo.

Tội ấy trái thiên đạo

Chết nào thoát ba đường.

貪婪無厭

**Tham lam vô yếm.**

Dục vốn là hố sâu

Kẻ tham không biết chán

Tội lớn bởi nhiều dục

Họa lớn do đa cầu.

咒詛求直

**Chú trớ cầu trực.**

Chứng minh mình vô tội

Cầu phần thắng cho mình

Đối trước đáng thẹn mình

Thề láo mình ngay thẳng.

嗜酒悖亂

**Thị tửu bội loạn.**

Đức Phật chế năm giới

Rượu là giới sau cùng

Người ham mê rượu thối

Khó tránh sát, đạo, dâm.

骨肉忿爭

**Cốt nhục phần tranh.**

Huynh đệ như tay chân

Gà cùng chung một mẹ

Môi hở thì răng lạnh

Sao nữ giận, tranh nhau!

男不忠良, 女不柔順, 不和其室, 不敬其夫

**Nam bất trung lương, nữ bất nhu thuận, bất hòa kỳ thất, bất kính kỳ phu.**

Trai bất trung bất nghĩa

Gái chẳng kính thuận chồng

Gia đình không hòa khí

Gia đạo chẳng thể hưng!

每好矜誇, 常行妒忌

**Mỗi háo căng khoa, thường hành đố kỵ.**

Quẻ Khiêm trong Kinh Dịch

Sáu hào đều cát tường

Người kiêu căng, đố kỵ

Không phải bậc hiền lương.

無行於妻子, 失禮於舅姑

**Vô hạnh ư thê tử, thất lễ ư cữu cô.**

Làm chồng thiếu đức hạnh

Phụ bạc nghĩa vợ chồng

Làm vợ lại vô nghi

Cha mẹ chồng chẳng kính.

輕慢先靈



**Khinh mạn tiên linh.**

Khâm liệm không như lễ  
Cúng tế chẳng chí thành  
Tổ tiên dù đã khuất  
Anh linh vẫn thường quanh.

違逆上命

**Vi nghịch thượng mệnh.**

Lệnh của mẹ cha ban  
Cùng lời thầy cô dạy  
Là muốn ta nên người  
Tránh không làm nghịch ý.

作為無益

**Tác vi vô ích.**

Đòi người vốn ngắn tạm  
Nên biết việc cần làm  
Sống làm điều vô ích  
Uổng một kiếp nhân gian.

懷挾外心

**Hoài hiệp ngoại tâm.**

Đã ôm lòng dối gạt  
Đâu cần đọ thân làm  
Vừa khởi tâm động niệm  
Tội đã ghi rõ ràng.

自咒咒他

**Tự chú chú tha.**

Thường tự mình thề thốt

Nguyên mình và rửa người  
Dù thọ mạng chưa hết.  
Ác báo sắp đến rồi.

偏憎偏愛

**Thiên tăng thiên ái.**

Nếu có lòng thiên lệch  
Yêu ghét chẳng công bằng  
Dễ tạo sai lầm lớn  
Bất hòa với người thân.

越井越灶，跳食跳人

**Việt tỉnh việt táo, khiêu thực khiêu nhân.**

Không bước qua giếng, bếp.  
Giếng vốn có vị Thần  
Bếp có ngài Táo Quân  
Xin chớ có mạn khinh.  
Với thức ăn cũng vậy  
Không thể dẫm đạp lên  
Thân hình người cũng thế  
Chân không đặt lên trên.

損子墮胎

**Tổn tử đọa thai.**

Hổ lang tuy hung dữ  
Chẳng ăn thịt con mình  
Phá thai và giết trẻ  
Cốt nhục chớ đoạn tình.

行多隱僻

**Hành đa ần tích.**

Gian trá và tà dâm  
Là hành vi ám muội  
Dù làm trong phòng tối  
Mắt Thần vẫn sáng soi.

晦臘歌舞

**Hối Lạp ca vũ.**

Cuối tháng và Ngũ Lạp<sup>3</sup>  
Thiên Thần kiểm lỗi làm  
Dương gian nên tránh việc  
Ca múa động nhân tâm.

朔旦號怒

**Sóc đán hào nộ.**

Than khóc và phẫn nộ  
Vốn là việc không nên  
Tránh đầu tháng đầu năm  
Hoặc bình minh buổi sớm.

對北涕唾及溺

**Đối bắc thể thóa cập niệu.**

Hướng Bắc có sao Đẩu  
Nơi ngự của thần linh  
Chớ hướng về phương này  
Khạc nhổ, đại tiểu tiện.

對灶吟詠及哭，又以灶火燒香，穢柴作食

---

<sup>3</sup> Ngũ Lạp bao gồm: Ngày mùng Một tháng Giêng gọi Thiên Lạp, mùng Năm tháng Năm là Địa Lạp (tiết Đoan Ngọ), mùng Bảy tháng Bảy là Đạo Đức Lạp, mùng Một tháng Mười là Tuế Lạp (Dân Tuế Lạp), mùng Tám tháng Chạp là Hầu Vương (Vương Hầu) Lạp.

**Đổi táo ngâm vịnh cập khóc, hựu dĩ táo hỏa thiêu hương, uế sài tác thực.**

Bếp nhà có TáoThần  
Giám sát tội lỗi người  
Không khóc, vịnh, xướng ca  
Đốt hương trên bếp lửa  
Củi bản không tinh khiết  
Không được dùng nấu ăn.

夜起裸露

**Dạ khởi lỏa lộ**

Thần Dạ Du ban đêm  
Đi tuần tra khảo sát  
Ăn mặc phải kín đáo  
Ngủ không để lỏa lồ.

八節行刑

**Bát tiết hành hình.**

Vào những ngày Bát Tiết<sup>4</sup>  
Trai giới, chuyên làm lành  
Tránh không được hành hình  
Và tạo thêm nghiệp sát.

唾流星，指紅霓，輒指三光，久視日月

**Thóa lưu tinh, chỉ hồng nghê, triếp chỉ tam quang, cửu thị nhật nguyệt.**

Trong vũ trụ bao la  
Đều có thần cai quản

---

<sup>4</sup> Bát tiết là những ngày lập xuân, xuân phân, lập hạ, hạ chí, lập thu, thu phân, lập đông, đông chí.

Tỏ lòng thành cung kính  
Tránh làm các việc sau:  
Khắc nhỏ hướng sao băng  
Tay chỉ trở cầu vòng  
Chỉ nhật, nguyệt, tinh tú  
Chăm chú nhìn mặt trăng.

春月燎獵

**Xuân nguyệt liệu liệt.**

Xuân về vạn vật sinh  
Kiêng tránh việc đốt rừng  
Săn bắn là tội ác  
Hại muôn loài sinh linh.

對北惡罵

**Đối bắc ác mạ.**

Tâm có điều phẫn nộ  
Phát tiết thóa mạ người  
Hướng phương Bắc trút giận  
Thần Bắc Đẩu trên trời.

無故殺龜打蛇

**Cô cô sát quy đả xà.**

Chớ vô duyên vô cớ  
Giết hại rắn và rùa  
Sinh mạng phải trân quý  
Cẩn trọng chớ sát thương.

## CHƯƠNG 7: ÁC BÁO

如是等罪，司命隨其輕重，奪其紀算。

**Như thị đảng tội, Tư Mệnh tùy kỳ khinh trọng, đoạt kỳ kỷ toán.**

Những việc ác kẻ trên  
Tùy tội nặng hay nhẹ  
Tư Mệnh Thần định đoạt  
Phán thọ mạng ngắn dài.

算盡則死。死有餘責，乃殃及子孫。

**Toán tận tắc tử. Tử hữu dư trách, nãi ương cập tử tôn.**

Cái chết đã gần kề  
Tội kia chưa trả hết  
Thì sẽ di hại đến  
Con cháu ở đời sau.

又諸橫取人財者，乃計其妻子家口以當之，漸至死喪

**Hựu chư hoành thủ nhân tài giả, nãi kế kỳ thê tử gia khẩu dĩ đương chi, tiệm chí tử táng.**

Dùng thế lực áp bức  
Đoạt tài sản của người  
Thì thân gia quyền thuộc  
Cũng chịu chung ác báo  
Cho đến chết mới thôi.

若不死喪則有水火盜賊，遺忘器物，疾病口舌諸事，以當妄取之直。

**Nhược bất tử táng, tắc hữu thủy hỏa đạo tặc, di vong khí vật, tật bệnh, khẩu thiệt chư sự, dĩ đương vọng thủ chi trực.**

Nếu thọ mạng chưa hết  
Sẽ gặp lũ, hỏa tai  
Trộm cướp và bệnh tật  
Tai tiếng và kiện thưa.  
Xưa hại người nửa cân

Giờ phải đền tám lạng.<sup>5</sup>

又枉殺人者，是易刀兵而相殺也

**Hựu uổng sát nhân giả, thị dịch đao binh nhi tương sát dã.**

Giết oan mạng người khác

Sẽ cảm họa binh đao

Nhân-quả vốn tơ hào

Không mảy may sai chạy.

取非義之財者，譬如漏脯救饑，燂酒止渴，非不暫飽死亦及之。

**Thủ phi nghĩa chi tài giả, thí như lậu bô cứu cơ, trảm tửu chỉ khát, phi bất tạm bão, tử diệc cập chi.**

Đoạt tiền tài phi nghĩa

Như ăn thịt độc vào

Uống rượu độc giải khát

Ác nghiệp tránh khỏi sao!

No nê đâu chẳng thấy

Thần chết đến sẵn rồi.

## CHƯƠNG 8

### CHỈ VI (CHỈ RA Ý NGHĨA TINH THÂM VI DIỆU)

夫心起於善，善雖未為而吉神已隨之。或心起於惡，惡雖未為而凶神已隨之。

**Phù tâm khởi ư thiện, thiện tuy vị vi nhi cát thần dĩ tùy chi. Hoặc tâm khởi ư ác, ác tuy vị vi nhi hung thần dĩ tùy chi.**

Tâm vừa khởi niệm thiện

Dù việc vẫn chưa làm

Thần Kiết Tường đã thấy

Bảo hộ ở kẻ bên.

---

<sup>5</sup> Ý nói nhân quả công bằng, tơ hào chẳng sai. Nửa cân của người xưa tương đương với 8 lạng (một cân là 16 lạng).

Vừa chớm khởi niệm ác  
Dù việc ác chưa làm  
Hung thân đã theo bên  
Họa hại sẽ liền đến.

## CHƯƠNG 9: SÁM HỐI TỘI LỖI

其有曾行惡事，後自改悔，諸惡莫作，眾善奉行，久久必獲吉慶，所謂轉禍為福也。

**Kỳ hữu tăng hành ác sự, hậu tự cải hối, chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành, cửu cửu tất hoạch cát khánh, sở vị chuyển họa vi phúc dã.**

Từng làm việc sai trái  
Sau biết tự ăn năn  
Không còn gieo nhân ác  
Thiện hạnh ngày mỗi tăng.  
Lâu dần việc thiện nhỏ  
Sẽ chứa đầy chum to  
Việc cát tường như ý  
Ắt sẽ đến không lo.  
Họa chuyển dần thành phúc  
Từ sám hối mà ra.

## CHƯƠNG 10: GIỚI ĐỊNH

故吉人語善，視善，行善，一日有三善，三年天必降之福。凶人語惡，視惡，行惡，一日行三惡，三年天必降之禍。胡不勉而行之。

**Cố cát nhân ngữ thiện, thị thiện, hành thiện, nhất nhật hữu tam thiện, tam niên thiên tất giáng chi phúc. Hung nhân ngữ ác, thị ác, hành ác, nhất nhật hành tam ác, tam niên thiên tất giáng chi họa. Hồ bất miễn nhi hành chi.**

Hiền nam tử, nữ nhân



Mỗi ngày miệng, mắt, thân  
Đều là thiện không khác  
Ba năm như một ngày  
Trời sẽ ban phúc báu.

Kẻ nói, nhìn, làm ác  
Trong thời gian ba năm  
Một ngày tạo ba nghiệp  
Trời sẽ giáng họa tai.

Rõ ràng việc họa phúc  
Do chính mình gây nên  
Thấu rõ đạo lý trên  
Nên hành Thiên Cảm Ứng.